

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển
ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025; số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; số 625/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương

năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2);

Theo đề nghị tại Tờ trình số 150/TTr-VPĐP ngày 11/3/2025 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2), với các nội dung sau:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Kế hoạch vốn năm 2025: | 523.655 triệu đồng. |
| - Số vốn đã phân bổ đợt 1: | 447.245 triệu đồng. |
| - Số vốn phân bổ chi tiết đợt này (đợt 2): | 53.713 triệu đồng. |
| - Số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết: | 22.697 triệu đồng. |

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

2. Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Định kỳ tổng hợp tiến độ thực hiện kế hoạch vốn tại Quyết định này, gửi Sở Tài chính, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định có liên quan, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

- Căn cứ kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 2) được giao tại Quyết định này, thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực X: Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã:

- Căn cứ kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 2) được giao tại Quyết định này, giao kế hoạch vốn chi tiết của từng dự án cho các chủ đầu tư, các đơn vị, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về quyết định của mình.

- Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo UBND các xã, các chủ đầu tư, đơn vị có liên quan hoàn thành các hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định; triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng tiến độ và hoàn thành theo kế hoạch; quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Bố trí vốn ngân sách địa phương năm 2025 để đối ứng với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính, Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản quy định có liên quan.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch vốn và tiến độ thực hiện các dự án về Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

5. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực X, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(cuong).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA (ĐỢT 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch phân bổ				
		Tổng số	Trong đó			
			Dự án chuyển tiếp năm 2023	Dự án chuyển tiếp năm 2024	Dự án khởi công mới năm 2025 (đợt 2)	Dự án khởi công mới năm 2025 (đợt 2)
	TỔNG CỘNG	53.713	34.169	11.287	1.422	6.835
1	Huyện Cẩm Thủy	3.347	3.347			
2	Huyện Thạch Thành	4.077	3.961	116		
3	Huyện Như Thanh	1.633	1.237		396	
4	Huyện Ngọc Lặc	4.496	4.226	270		
5	Huyện Thường Xuân	5.290	2.084	3.206		
6	Huyện Quan Hóa	1.911	1.390	521		
7	Huyện Như Xuân	5.934	1.617			4.317
8	Huyện Lang Chánh	2.486	2.486			
9	Huyện Bá Thước	10.968	6.096	4.312	560	
10	Huyện Quảng Xương	590	590			
11	Thị xã Bỉm Sơn	216	216			
12	Huyện Hoằng Hóa	300	300			
13	Huyện Nga Sơn	256	228		28	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch phân bố				
		Tổng số	Trong đó			
			Dự án chuyển tiếp năm 2023	Dự án chuyển tiếp năm 2024	Dự án khởi công mới năm 2025 (đợt 2)	Dự án khởi công mới năm 2025 (đợt 2)
14	Thị xã Nghi Sơn	3.705	947		240	2.518
15	Huyện Yên Định	128	128			
16	Huyện Thọ Xuân	266	168		98	
17	Huyện Nông Cống	720	510	110	100	
18	Huyện Hà Trung	250	250			
19	Huyện Triệu Sơn	166	28	138		
20	Huyện Mường Lát	4.444	1.830	2.614		
21	Huyện Quan Sơn	2.530	2.530			

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP NĂM 2023)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
TỔNG CỘNG:									482.578	448.409	34.169	34.169	
A	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THEO NGHỊ QUYẾT 368/NQ-HĐND NGÀY 24/3/2023								195.264	181.959	13.305	13.305	
I	HUYỆN CẨM THỦY								3.177	3.120	57	57	
1	Xã Cẩm Liên								3.177	3.120	57	57	
	Xây dựng sân vận động xã Cẩm Liên	UBND xã Cẩm Liên	Văn hoá	sân có diện tích là 8.500 m2 gồm các hạng mục sân nền, cổng, tường rào, sân khấu...	2023	2024	1479/QĐ-UBND ngày 05/7/2023; 204/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.466	3.177	3.177	3.120	57	57
II	HUYỆN THẠCH THÀNH								52.161	49.960	2.201	2.201	
1	Xã Thành Minh								3.287	3.270	17	17	
	Xây dựng đường GTNT thôn Mực Long đi thôn Sôi Cốc	UBND xã Thành Minh	Giao thông	Tổng chiều dài 871,46 m	2023	2024	QĐ 2650/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	3.634	3.287	3.287	3.270	17	17
2	Xã Thạch Lâm								7.787	7.660	127	127	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Xây dựng đường GTNT xã Thạch Lâm	UBND xã Thạch Lâm	Giao thông	Tổng chiều dài 2585 m	2023	2024	QĐ 2974/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	4.731	4.307	4.307	4.260	47	47
	Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng	UBND xã Thạch Lâm	Thủy lợi	Tổng chiều dài 1888 m	2023	2024	QĐ 3219/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	3.774	3.480	3.480	3.400	80	80
3	Xã Ngọc Trạo									4.630	4.330	300	300
	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Giáo dục	xây mới sân khuôn viên, bồn hoa, nhà để xe..	2023	2024	QĐ 2866/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	4.816	4.630	4.630	4.330	300	300
4	Xã Thành Thọ									4.465	4.410	55	55
	Đường giao thông nông thôn từ thôn Bùi di thôn Phú Cốc, xã Thành Thọ.	UBND xã Thành Thọ	Giao thông	Tổng chiều dài 1.640,26 m	2023	2024	QĐ 2548/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	4.897	4.465	4.465	4.410	55	55
5	Xã Thành Yên									7.771	7.200	571	571
	Xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Thành Yên	UBND xã Thành Yên	Giáo dục	Nhà chức năng, bảo vệ, phòng học và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	QĐ 3391/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	8.000	7.771	7.771	7.200	571	571
6	Xã Thành Tiến									4.630	4.580	50	50
	Xây dựng hệ thống kênh	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài 1.070,58	2023	2024	QĐ 2726/QĐ-	5.093	4.630	4.630	4.580	50	50

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	mương nội đồng kết hợp với đường GT nội đồng	Thành Tiến		m			UBND ngày 22/8/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành						
7	Xã Thạch Quảng								4.350	4.210	140	140	
	Xây dựng nhà lớp học và nhà hiệu bộ Trường TH Thạch Quảng 2	UBND xã Thạch Quảng	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	QĐ 2906/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	4.676	4.350	4.350	4.210	140	140
8	Xã Thành Vinh								7.687	7.290	397	397	
	Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	Giáo dục	9 phòng và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	QĐ 3409/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	8.104	7.687	7.687	7.290	397	397
9	Xã Thành Tâm								2.518	2.300	218	218	
	Nâng cấp mở rộng hệ thống đường GTNT xã Thành Tâm	UBND xã Thành Tâm	Giao thông	Tổng chiều dài 1.219,99 m	2023	2024	QĐ 2471/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	2.560	2.518	2.518	2.300	218	218
10	Xã Thạch Sơn								2.518	2.340	178	178	
	Đường giao thông nông thôn từ cầu Hón Bò đi thôn Tân Sơn, xã Thạch Sơn	UBND xã Thạch Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài 1545,54 m	2023	2024	QĐ 2689/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	2.605	2.518	2.518	2.340	178	178
11	Xã Thành Long								2.518	2.370	148	148	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Nâng cấp mở rộng hệ thống đường GTNT từ Eo Bàn đi Thành Sơn, xã Thành Long	UBND xã Thành Long	Giao thông	Tổng chiều dài 933,15 m	2023	2024	QĐ 2790/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	2.629	2.518	2.518	2.370	148	148
III	HUYỆN NHƯ THANH									2.437	2.220	217	217
1	Xã Thanh Tân									2.437	2.220	217	217
	Xây dựng sân vận động xã Thanh Tân	UBND xã Thanh Tân	Văn hóa	Hạng mục: Sân nền, nhà vệ sinh chung, sân khấu, khán đài...	2023	2024	3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của CT UBND huyện	2.462	2.437	2.437	2.220	217	217
IV	HUYỆN NGỌC LẠC									35.106	32.350	2.756	2.756
1	Xã Thúy Sơn									1.450	1.320	130	130
	Đường giao thông thôn Hoa Cao, xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lạc	UBND xã Thúy Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 721,05m	2023	2024	95/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Thúy Sơn	1.465	1.450	1.450	1.320	130	130
2	Xã Minh Sơn									1.550	1.400	150	150
	Tuyến đường thôn Minh Thuận, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc	UBND xã Minh Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 956,05m	2023	2024	106/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của CT UBND xã Minh Sơn	1.560	1.550	1.550	1.400	150	150
3	Xã Lộc Thịnh									1.518	1.380	138	138
	Đường giao thông thôn Lộc Thành - xã Lộc Thịnh, Ngọc Lạc	UBND xã Lộc Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 650,78m	2023	2024	65/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của CT UBND xã Lộc Thịnh	1.535	1.518	1.518	1.380	138	138
4	Xã Cao Thịnh									2.518	2.340	178	178
	Nâng cấp đường trục xã	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L =	2023	2024	56/QĐ-UBND	2.600	2.518	2.518	2.340	178	178

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	tuyến đường từ ngã ba làng Mai đi Lim Còm, xã Cao Thịnh, Ngọc Lặc.	Cao Thịnh		1.536m			ngày 26/7/2023 của CT UBND xã Cao Thịnh						
5	Xã Lam Sơn									2.110	1.910	200	200
	Nâng cấp tuyến đường Thôn 8, xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 800m	2023	2024	100/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Lam Sơn	2.121	2.110	2.110	1.910	200	200
6	Xã Phùng Giáo									2.187	2.050	137	137
	Đường giao thông thôn Châm - thôn Lau, xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Giáo	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.130m	2023	2024	71/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	2.274	2.187	2.187	2.050	137	137
7	Xã Vân Am									4.387	4.060	327	327
	Đường giao thông thôn Đám Vân Giang, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Vân Am	Giao thông	Tổng chiều dài L = 636,15m	2023	2024	115/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Vân Am	1.751	1.700	1.700	1.580	120	120
	Đường giao thông thôn Khén, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc.	UBND xã Vân Am	Giao thông	Tổng chiều dài L = 835,05m	2023	2024	114/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Vân Am	2.760	2.687	2.687	2.480	207	207
8	Xã Ngọc Sơn									2.518	2.410	108	108
	Cải tạo nâng cấp tuyến đường xã từ đường ATK (thôn Kim Thủy) đến thôn Thanh Sơn, Linh Sơn xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 771,24m	2023	2024	204/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của CT UBND xã Ngọc Sơn	2.683	2.518	2.518	2.410	108	108
9	Xã Kiên Thọ									2.518	2.280	238	238

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Đường giao thông thôn 11 - đến Xuân Thành, Kiên Thọ, Ngọc Lặc	UBND xã Kiên Thọ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.300m	2023	2024	153/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của CT UBND xã Kiên Thọ	2.528	2.518	2.518	2.280	238	238
10	Xã Phúc Thịnh									1.760	1.620	140	140
	Đường giao thông nông thôn làng Miêng đi làng Sòng xã Phúc Thịnh, Ngọc Lặc	UBND xã Phúc Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 829,61m	2023	2024	72/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Phúc Thịnh	1.802	1.760	1.760	1.620	140	140
11	Xã Mỹ Tân									2.518	2.280	238	238
	Đường giao thông thôn Vải, xã Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.200,2m	2023	2024	51/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của CT UBND xã Mỹ Tân	2.533	2.518	2.518	2.280	238	238
12	Xã Quang Trung									2.518	2.310	208	208
	Nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Quang Trung	UBND xã Quang Trung	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, 01 phòng họp và 04 phòng làm việc	2023	2024	105/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của CT UBND xã Quang Trung	2.566	2.518	2.518	2.310	208	208
13	Xã Ngọc Trung									2.518	2.280	238	238
	Đường giao thông thôn Tân Mỹ- xã Ngọc Trung, Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Trung	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.237,42m	2023	2024	49/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của CT UBND xã Ngọc Trung	2.535	2.518	2.518	2.280	238	238
14	Xã Đồng Thịnh									2.518	2.290	228	228
	Nâng cấp đường thôn Chiềng, xã Đồng Thịnh, Ngọc Lặc.	UBND xã Đồng Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 946,95m	2023	2024	94/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của CT UBND xã Đồng Thịnh	2.544	2.518	2.518	2.290	228	228
15	Thạch Lập									2.518	2.420	98	98

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Xây dựng nhà hiệu bộ trường Mầm non khu chính xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Thạch Lập	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, phòng họp và phòng làm việc	2023	2024	40/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của CT UBND xã Thạch Lập	2.694	2.518	2.518	2.420	98	98
V	HUYỆN THƯỜNG XUÂN									9.354	8.420	934	934
1	Xã Tân Thành									2.227	2.000	227	227
	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Hạ tầng kỹ thuật	Đầu tư xây dựng mới tuyến ống cấp nước dài 2.954m	2023	2024	191/QĐ-UBND ngày 24/07/2023 của chủ tịch UBND xã Tân Thành	2.227	2.227	2.227	2.000	227	227
2	Xã Yên Nhân									3.127	2.820	307	307
	Đường giao thông thôn Mỹ (tuyến Keo - Nâu đi thôn Mỹ) xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Giao thông	Đường GTNT loại B	2023	2024	91/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của chủ tịch UBND xã Yên Nhân	1.850	1.850	1.850	1.670	180	180
	Nhà văn hóa thôn Mỹ, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Dân dụng	Diện tích xây dựng công trình 178m ²	2023	2024	92/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của chủ tịch UBND xã Yên Nhân	1.277	1.277	1.277	1.150	127	127
3	Xã Bát Mọt									4.000	3.600	400	400
	Đường giao thông từ thôn Dư đi thôn Phổng, xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Giao thông	Đường GTNT loại D	2023	2024	40/QĐ-UBND ngày 24/07/2023 của chủ tịch UBND xã Bát Mọt	4.000	4.000	4.000	3.600	400	400
VI	HUYỆN QUAN HÓA									5.000	4.650	350	350
1	Xã Nam Động									1.500	1.420	80	80

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Nhà văn hóa bản Nót	UBND xã Nam Động	Văn hóa	Nhà 1 tầng, diện tích 208,6m ²	2023	2024	150/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; 06/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Nam Động	1.575	1.500	1.500	1.420	80	80
2	Xã Thành Sơn									1.500	1.390	110	110
	Nâng cấp, sửa chữa công trình: Nước sinh hoạt tập trung bản Sơn Thành	UBND xã Thành Sơn	Thủy lợi	Xây mới, lắp đặt 2 bể chứa, 2 tuyến ống L = 500m và L = 975m	2023	2024	160/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 06/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của CT UBND xã Thành Sơn	1.547	1.500	1.500	1.390	110	110
3	Xã Trung Sơn									2.000	1.840	160	160
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn bản Pượn xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	Giao thông	Nâng cấp tuyến đường dài L = 639,18m đạt quy mô đường giao thông nông thôn cấp IV	2023	2024	167/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 14/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của CT UBND xã Trung Sơn	2.045	2.000	2.000	1.840	160	160
VII	HUYỆN NHƯ XUÂN									5.287	4.760	527	527
1	Xã Thanh Xuân									5.287	4.760	527	527
	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Xuân: Tuyến 1 Từ nhà ông Huỳnh đi Xám Xà thôn Thanh Thủy; Tuyến 2 Nặm Đâm thôn Thanh Thủy	UBND xã Thanh Xuân	Giao thông	1,936Km	2023	2023	Số 828 ngày 10/5/2023 của UBND huyện Như Xuân	5.287	5.287	5.287	4.760	527	527
VIII	HUYỆN LANG									9.876	8.900	976	976

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	CHÁNH												
1	Xã Giao An								2.518	2.270	248	248	
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn Ang	UBND xã Giao An	Giao thông	Chiều dài 565,58 m	2023	2024	Số 85/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND xã Giao An	2.518	2.518,0	2.518	2.270	248	248
2	Xã Đồng Lương								3.786	3.410	376	376	
	Nhà Văn hoá và công trình phụ trợ thôn Quắc Quên xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh	UBND xã Đồng Lương	Văn hoá	01 nhà văn hoá	2023	2024	Số 75/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND xã Đồng Lương	3.786	3.786,0	3.786	3.410	376	376
3	Xã Giao Thiện								1.786	1.610	176	176	
	Đường giao thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	UBND xã Giao Thiện	Giao thông	Chiều dài 615 m	2023	2024	Số 66/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND xã Giao Thiện	1.786	1.786,0	1.786	1.610	176	176
4	Xã Lâm Phú								1.786	1.610	176	176	
	Cải tạo, nâng cấp sân, khuôn viên Trung tâm văn hoá, thể thao xã Lâm Phú.(địa điểm tại thôn Cháo Pi)	UBND xã Lâm Phú	Văn hoá	01 nhà văn hoá	2023	2024	Số 50/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND xã Lâm Phú	1.786	1.786,0	1.786	1.610	176	176
IX	HUYỆN BÁ THƯỚC								35.821	32.739	3.082	3.082	
1	Xã Ái Thượng								6.350	5.719	631	631	
	Nhà lớp học trường tiểu học Ái Thượng	UBND xã Ái Thượng	Giáo dục	02 tầng, 08 phòng và các hạng mục hạ tầng khuôn viên	2023	2025	146/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND xã Ái Thượng	6.356	6.350	6.350	5.719	631	631

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
2	Xã Ban Công								5.787	5.210	577	577	
	Nhà lớp học trường THCS Ban Công	UBND xã Ban Công	Giáo dục	02 tầng, 08 phòng và hạ tầng khuôn viên	2023	2025	172/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Ban Công	5.793	5.787	5.787	5.210	577	577
3	Xã Lương Ngoại								4.787	4.470	317	317	
	Nhà lớp học Trường THCS Lương Ngoại	UBND xã Lương Ngoại	Giáo dục	02 tầng, 8 phòng và hạ tầng khuôn viên. DTXD: 456,0m ²	2023	2025	85/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND xã Lương Ngoại	4.962	4.787	4.787	4.470	317	317
4	Xã Cổ Lũng								3.987	3.590	397	397	
	Sân vận động xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Văn hóa	S=6.400m ²	2023	2025	78/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Thiết Ống	3.991	3.987	3.987	3.590	397	397
5	Xã Hạ Trung								5.287	4.880	407	407	
	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ Trường tiểu học Hạ Trung	UBND xã Hạ Trung	Giáo dục	Nhà lớp học 2 tầng, 4 phòng học, 1 phòng chức năng; Nhà hiệu bộ 2 tầng,	2023	2025	159/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Hạ Trung	5.420	5.287	5.287	4.880	407	407
6	Xã Lũng Cao								5.287	4.760	527	527	
	Đường giao thông thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao (đi Khu tái định cư thôn Pồn Thành Công)	UBND xã Lũng Cao	Giao thông	L=2.556,30m	2023	2025	67/QĐ-UBND ngày 18/7/2023; quyết định điều chỉnh số 84/QĐ-UBND ngày	5.290	5.287	5.287	4.760	527	527

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
							17/8/2024 của Chủ tịch UBND xã Lũng Cao						
7	Xã Điện Trung									2.518	2.380	138	138
	Sân vận động xã Điện Trung	UBND xã Điện Trung	Văn hóa	Xây dựng công, bảng tin, tường rào, sân khấu	2023	2023	136/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Điện Trung	1.292	1.259	1.259	1.160	99	99
	Nhà văn hoá thôn Cò Lượn, xã Điện Trung	UBND xã Điện Trung	Văn hóa	1 tầng, DTXD: 223,7m ²	2023	2024	135/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Điện Trung	1.350	1.259	1.259	1.220	39	39
8	Xã Lũng Niêm									1.818	1.730	88	88
	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Lặn Ngoài	UBND xã Lũng Niêm	Môi trường	Công trình gồm 3 tuyến, tổng chiều dài L= 4.444,07m	2023	2025	85/QĐ-UBND ngày 30/6/2023; quyết định điều chỉnh 133/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Chủ tịch UBND xã Lũng Niêm	1.922	1.818	1.818	1.730	88	88
X	THỊ XÃ BỈM SƠN									1.816	1.600	216	216
1	Xã Quang Trung									1.816	1.600	216	216
	Nâng cấp tuyến đường Trần Khánh Dư xã Quang Trung (Hạng mục: Rãnh thoát nước mặt)	UBND xã Quang Trung	Giao thông	Dài 2,2 km	2023	2024	52/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của CT UBND xã Quang Trung	1.286	910	910	800	110	110
	Cải tạo sửa chữa trạm y tế	UBND xã	Y tế	Sửa chữa 5 phòng chức	2023	2024	53/QĐ-UBND	1.238	906	906	800	106	106

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	xã Quang Trung	Quang Trung		năng, sân, tường rào			ngày 22/5/2023; 96/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của CT UBND xã Quang Trung						
XI	HUYỆN HOÀNG HÓA								4.940	4.640	300	300	
1	Xã Hoàng Đạo								2.470	2.360	110	110	
	Kênh tưới vùng quy hoạch sản xuất	UBND xã Hoàng Đạo	Nông nghiệp	Tổng chiều dài L = 1.764m	2023	2024	2694/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	2.626	2.470	2.470	2.360	110	110
2	Xã Hoàng Quý								2.470	2.280	190	190	
	Nhà thi đấu đa năng	UBND xã Hoàng Quý	Văn hoá	1 tầng, Diện tích xây dựng 300m ²	2023	2024	3041/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	2.533	2.470	2.470	2.280	190	190
XII	HUYỆN NGA SƠN								4.918	4.690	228	228	
1	Xã Nga Điền								2.400	2.260	140	140	
	Công trình đường GTNT	UBND xã Nga Điền	Giao thông	Tổng chiều dài L = 634m	2023	2024	69/QĐ- UBND, ngày 25/9/2023 của CT UBND xã Nga Điền	2.508	2.400	2.400	2.260	140	140
2	Xã Nga Thái								2.518	2.430	88	88	
	Công trình đường GTNT	UBND xã Nga Thái	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.707m	2023	2024	99/QĐ- UBND, ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Nga Thái	2.700	2.518	2.518	2.430	88	88
XIII	THỊ XÃ NGHI SƠN								9.787	8.980	807	807	
1	Xã Phú Lâm								9.787	8.980	807	807	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Phú Lâm	UBND xã Phú Lâm	Giáo dục	2 tầng, chiều cao công trình là 10,6m. Chiều cao tầng 1,2 mỗi tầng 3,6m	2023	2024	911/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	9.973	9.787	9.787	8.980	807	807
XIV	HUYỆN YÊN ĐỊNH									2.518	2.480	38	38
1	Xã Định Công									2.518	2.480	38	38
	Nâng cấp cải tạo Trường Mầm non xã Định Công	UBND xã Định Công	Giáo dục	Nhà 2 tầng (6 phòng học và phòng chức năng, và công trình phụ trợ)	2023	2024	Số 67/QĐ-UBND, ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã Định Công	2.751	2.518	2.518	2.480	38	38
XV	HUYỆN THỌ XUÂN									1.518	1.470	48	48
1	Trường Xuân									1.518	1.470	48	48
	Đường giao thông thôn Long Linh ngoại 1, Long Linh ngoại 2	UBND xã Trường Xuân	Giao Thông	dài 680 m, rộng 4,5m	tháng 9/2023	Tháng 11/2023	Số 128/QĐ - UBND ngày 11/7/2023 của Chủ tịch UBND xã Trường Xuân	1.631	1.518	1.518	1.470	48	48
XVI	HUYỆN NÔNG CÔNG									7.500	6.990	510	510
1	Xã Công Liêm									2.500	2.390	110	110
	Xây dựng kênh mương nội đồng thôn Hậu Áng, thôn Đoài Đạo	UBND xã Công Liêm	Thủy lợi	Xây dựng tuyến kênh với chiều dài L = 1.047,62m	2023	2024	37/QĐ-UBND ngày 20/9/2023; 55/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của CT UBND xã Công Liêm	2.657	2.500	2.500	2.390	110	110
2	Xã Tân Phúc									2.500	2.280	220	220
	Bê tông hóa đường giao thông khu đông Mã Kè	UBND xã Tân Phúc	Giao thông	Xây dựng tuyến đường với chiều dài 884,76m	2023	2024	92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch	2.534	2.500	2.500	2.280	220	220

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
							UBND xã Tân Phúc						
3	Xã Công Chính								2.500	2.320	180	180	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Tam Hòa	UBND xã Công Chính	Giao thông	Xây dựng tuyến đường giao thông dài L = 825,36m	2023	2024	99/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; 117/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của CT UBND xã Công Chính	2.577	2.500	2.500	2.320	180	180
XVII	HUYỆN HÀ TRUNG								1.530	1.500	30	30	
1	Xã Hoạt Giang								1.530	1.500	30	30	
	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng: Đường 59 đi Cò Lồi, thôn Trung Chính, xã Hoạt Giang	UBND xã Hoạt Giang	Nông nghiệp và PTNT	Tổng chiều dài đường L= 566,23m	2023	2024	173 ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoạt Giang	1.670	1530	1.530	1.500	30	30
XVIII	HUYỆN TRIỆU SƠN								2.518	2.490	28	28	
1	Xã Đồng Thắng								2.518	2.490	28	28	
	Nâng cấp đường giao thông thôn Đại Đồng 1 đi Đại Đồng 3	UBND xã Đồng Thắng	Giao thông	Tổng chiều dài 564,75 m	2023	2025	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND xã Đồng Thắng	2.769	2.518	2.518	2.490	28	28
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THEO NGHỊ QUYẾT 397/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2023 (vốn kết dư)								147.094	138.880	8.214	8.214	
I	HUYỆN THẠCH THÀNH								21.700	20.300	1.400	1.400	
1	Xã Thành Công								2.700	2.540	160	160	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Đường giao thông thôn Trường Châu xã Thành Công, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Công	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.367,85m	2023	2024	3675/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.824	2.700	2.700	2.540	160	160
2	Xã Thạch Lâm									4.000	3.870	130	130
	Xây dựng mới nhà hiệu bộ Trường tiểu học Thạch Lâm 1, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành	UBND xã Thạch Lâm	Giáo dục	diện tích xây dựng 266 m ²	2023	2024	QĐ 3592/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.299	4.000	4.000	3.870	130	130
3	Xã Thành Mỹ									4.000	3.730	270	270
	Đường giao thông thôn Vân Đình, Phong Phú xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Mỹ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.054m	2023	2024	3740/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.141	4.000	4.000	3.730	270	270
4	Xã Thành Vinh									11.000	10.160	840	840
	Đường giao thông nội đồng vùng quy hoạch sản xuất sản phẩm OCOP "tinh dầu sả chanh", xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành	Giao thông	Tổng chiều dài L = 7.377,79m	2023	2024	3744/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	11.294	11.000	11.000	10.160	840	840
II	HUYỆN NHƯ THANH									10.000	9.480	520	520
1	Xã Xuân Du									10.000	9.480	520	520
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã	Ban QLDA đầu tư xây	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.089,24m được chia làm 02 đoạn	2023	2024	4019/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của CT UBND	10.534	10.000	10.000	9.480	520	520

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	được quy hoạch là Điểm du lịch Phú Na, xã Xuân Du, huyện Như Thanh	dựng huyện Như Thanh					huyện Như Thanh						
III	HUYỆN NGỌC LẠC									10.000	9.470	530	530
1	Xã Phùng Giáo									10.000	9.470	530	530
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ làng Bằng đi làng Môn xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc	UBND xã Phùng Giáo	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.527m	2023	2024	142/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	10.525	10.000	10.000	9.470	530	530
IV	HUYỆN THƯỜNG XUÂN									10.000	9.890	110	110
1	Xã Bát Mọt									10.000	9.890	110	110
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển du lịch tại bản Vịn, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	UBND xã Bát Mọt	Văn hóa	Tuyến đường giao thông chính chiều dài L = 300m. Khu vực tổ chức lễ hội du lịch cộng đồng bản Vịn rộng khoảng 11.386m ²	2023	2024	108/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Bát Mọt	10.990	10.000	10.000	9.890	110	110
V	HUYỆN QUAN HÓA									8.000	7.380	620	620
1	Xã Nam Tiến									8.000	7.380	620	620
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ bản Cua đi bản Cùm, xã Nam Tiến, huyện Quan Hoá	UBND xã Nam Tiến	Giao thông	Đường giao thông cấp C, dài L = 3.371,92m	2023	2024	154/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	8.200	8000	8.000	7.380	620	620
VI	HUYỆN QUAN SƠN									14.000	12.710	1.290	1.290
1	Xã Sơn Điện									14.000	12.710	1.290	1.290
	Cải tạo cơ sở hạ tầng	UBND xã	Giao thông	Đường giao thông L=	2023	2025	2234/QĐ-UBND	14.120	14.000	14.000	12.710	1.290	1.290

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	phục vụ du lịch cộng đồng bản Ngâm, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn	Sơn Điện		1.591,96m; hệ thống thoát nước; điện chiếu sáng 285m, khu lễ hội chính, sân nhà văn hóa bản Ngâm, xây dựng cảnh quan dọc sông Luồng và công trình phụ trợ			ngày 31/12/2023; 200/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn						
VII	HUYỆN NHƯ XUÂN									10.000	9.450	550	550
1	Xã Thanh Quân									10.000	9.450	550	550
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã được quy hoạch là Đền Chín Gian, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân	UBND xã Thanh Quân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.600m	2023	2024	2319/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2831/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	10.500	10.000	10.000	9.450	550	550
VIII	HUYỆN LANG CHÁNH									10.000	9.130	870	870
1	Xã Tam Văn									10.000	9.130	870	870
	Đường giao thông bản Lọng, bản Cú Tá, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Giao thông	Cứng hoá 10 tuyến đường với tổng chiều dài L = 3.660m	2024	2025	165/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Lang Chánh	10.142	10.000	10.000	9.130	870	870
IX	HUYỆN BÁ THUỐC									14.394	13.230	1.164	1.164
1	Xã Thành Lâm									14.394	13.230	1.164	1.164
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng điểm du lịch Bản Đôn xã	Ban QLDA	Giao thông + Văn hoá	- Hạng mục 1: Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến	2023	2025	4080/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.702	14.394	14.394	13.230	1.164	1.164

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Thành Lâm, huyện Bá Thước	đầu tư xây dựng huyện Bá Thước		đường có chiều dài L = 878,74m - Hạng mục 2: diện tích 1,06ha gồm khu vực sinh hoạt văn hóa cộng đồng, khu vực khám phá, dạo chơi trong không gian truyền thống			và 293/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của CT UBND huyện Bá Thước						
X	THỊ XÃ NGHI SƠN									5.000	4.860	140	140
1	Xã Định Hải									5.000	4.860	140	140
	Đường giao thông nội đồng trong vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu OCOP "Mật ong rừng Am Các", xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	UBND xã Định Hải	Giao thông	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường với tổng chiều dài L = 2.300,6m	2023	2024	7247/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	5.401	5.000	5.000	4.860	140	140
XI	HUYỆN YÊN ĐỊNH									5.000	4.910	90	90
1	Xã Yên Thái									5.000	4.910	90	90
	Bê tông hoá các tuyến đường nội đồng vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu sản phẩm OCOP "Dưa cải Làng Lê" xã Yên Thái, huyện Yên Định	UBND xã Yên Thái	Giao thông	Chiều dài 1919,46m	2023	2024	số 181/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Yên Thái	5.460	5.000	5.000	4.910	90	90
XII	HUYỆN THỌ XUÂN									6.500	6.380	120	120
1	Xã Xuân Lập									6.500	6.380	120	120
	Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội đồng, kênh mương nội	UBND xã Xuân Lập	Giao thông	Xây dựng tuyến đường, mương với tổng chiều dài L = 4.902,95m	2023	2024	6708/QĐ -UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND	7.087	6.500	6.500	6.380	120	120

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	đồng vùng quy hoạch sản xuất lúa làm nguyên liệu phát triển sản phẩm OCOP Bánh lá răng bừa, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân						huyện Thọ Xuân						
XIII	HUYỆN HÀ TRUNG								8.500	8.280	220	220	
1	Xã Hà Long								8.500	8.280	220	220	
	Xây dựng các tuyến đường giao thông nội đồng trong vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu sản phẩm OCOP Gạo nếp cái hoa vàng Gia Miêu Ngoại Trang xã Hà Long, huyện Hà Trung	UBND xã Hà Long	Giao thông	Chiều dài tuyến đường 1112,04 m	2024	2025	204/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung	9.200	8.500	8.500	8.280	220	220
XIV	HUYỆN QUẢNG XƯƠNG								14.000	13.410	590	590	
1	Xã Quảng Phúc								14.000	13.410	590	590	
	Xây dựng các tuyến đường bê tông trong vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu sản xuất OCOP, thuộc vùng trồng cói Văn Giáo – Liên Sơn (đoạn: Mường ông Lãi; mường ông Lữ; mường ông Thục), xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương	UBND xã Quảng Phúc	Giao thông	Tổng chiều dài 06 tuyến L =3172.58 m	2023	2024	120/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND xã Quảng Phúc	14.902	14.000	14.000	13.410	590	590
C	CÁC DỰ ÁN KHỎI								140.220	127.570	12.650	12.650	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	CÔNG MỚI THEO NGHỊ QUYẾT 397/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2023 (vốn bổ sung)												
I	HUYỆN THẠCH THÀNH								6.700	6.340	360	360	
1	Xã Thành Tân								3.200	3.010	190	190	
	Đường giao thông thôn Hòa Sơn, thôn Bái Đang xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.788,81m	2024	2024	3760/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	3.347	3.200	3.200	3.010	190	190
2	Xã Thạch Cẩm								3.500	3.330	170	170	
	Đường giao thông thôn Thành Quang, Cẩm Lợi 1, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	UBND xã Thạch Cẩm	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.647,47m	2024	2024	3792/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	3.697	3.500	3.500	3.330	170	170
II	HUYỆN NHƯ THANH								7.000	6.500	500	500	
1	Xã Phụng Nghi								3.500	3.150	350	350	
	Đầu tư xây dựng tuyến đường thôn Bái Đa 1, xã Phụng Nghi. Hạng mục: Cầu trần Cây Lai	UBND xã Phụng Nghi	Giao thông	Đầu tư xây dựng 01 Cầu trần bằng BTCT; làm mới đường hai đầu cầu chiều dài L=151,22m	2023	2024	3793/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của CT UBND huyện Như Thanh	3.502	3.500	3.500	3.150	350	350
2	Xã Thanh Tân								3.500	3.350	150	150	
	Mở rộng tuyến đường thôn Đồng Lắm và nâng cấp tuyến đường thôn Thanh Quang, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	UBND xã Thanh Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 3.050m	2023	2024	3718/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của CT UBND huyện Như Thanh	3.728	3.500	3.500	3.350	150	150

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
III	HUYỆN CẨM THỦY								14.000	10.710	3.290	3.290	
1	Xã Cẩm Thạch								3.500	3.470	30	30	
	Kiên cố hoá kênh mương nội đồng các thôn: Chiềng, Chén, Búi, Vần Thung xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thạch	Thuỷ lợi	Đầu tư xây dựng mới tuyến mương thôn thôn: Chiềng, Chén, Búi, Vần Thung với tổng chiều dài L = 3.990m	2023	2024	352/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.861	3.500	3.500	3.470	30	30
2	Xã Cẩm Liên								3.500	3.170	330	330	
	Bãi xử lý rác thải tập trung, xã Cẩm Liên, huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Liên	Môi trường	Đầu tư xây dựng mới Bãi xử lý rác thải tập trung và HTKT khác	2023	2024	3150/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.519	3.500	3.500	3.170	330	330
3	Xã Cẩm Châu								3.500	600	2.900	2.900	
	Bãi xử lý rác thải tập trung, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Châu	Môi trường	Đầu tư xây dựng bãi xử lý rác thải và hạ tầng kỹ thuật khác	2024	2025	3312/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	4.500	3.500	3.500	600	2.900	2.900
4	Xã Cẩm Lương								3.500	3.470	30	30	
	Kiên cố hoá kênh mương nội đồng các thôn trên địa bàn xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Lương	Thuỷ lợi	Đầu tư xây dựng mới tuyến mương tại các thôn trên địa bàn xã với tổng chiều dài L=2568,97 m	2023	2024	Số 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.850	3.500	3.500	3.470	30	30
IV	HUYỆN NGỌC LẠC								10.570	9.630	940	940	
1	Xã Phùng Minh								3.500	3.160	340	340	
	Sân vận động xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lạc	UBND xã Phùng Minh	Văn hóa	Nền sân, đường chạy, khán đài, hệ thống thoát nước nhà vệ sinh	2023	2024	195/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của CT UBND xã Phùng Minh	3.513	3.500	3.500	3.160	340	340

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
2	Xã Vân Am								3.570	3.230	340	340	
	Sửa chữa, nâng cấp hội trường đa năng xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Vân Am	Văn hóa	xây mới 04 phòng chức năng, và các hạng mục: nhà vệ sinh, công, tường rào, hệ thống rãnh thoát nước	2023	2024	211/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND xã Vân Am	3.589	3.570	3.570	3.230	340	340
3	Xã Phùng Giáo								3.500	3.240	260	260	
	Trạm Y tế xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Giáo	Y tế	Nhà 2 tầng làm việc, nhà trực, quầy thuốc, công, tường rào	2023	2024	151/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	3.605	3.500	3.500	3.240	260	260
V	HUYỆN THƯỜNG XUÂN								13.200	12.160	1.040	1.040	
1	Xã Xuân Cao								3.300	3.030	270	270	
	Đường giao thông liên thôn, từ thôn Trung Nam đi thôn Quyết Tiến, xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân	UBND xã Xuân Cao	Giao thông	Tổng chiều dài tuyến 1.324 m	2023	2024	169/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Xuân Cao	2.060	2.000	2.000	1.850	150	150
	Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng 1, xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân	UBND xã Xuân Cao	Văn hóa	Diện tích xây dựng 221.5 m ²	2023	2024	172/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Xuân Cao	1.306	1.300	1.300	1.180	120	120
2	Xã Yên Nhân								3.300	3.010	290	290	
	Xây dựng Đập Na Xá, thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	UBND xã Yên Nhân	Thủy lợi	Cấp IV, có chiều dài đập L = 114,19m	2023	2024	180/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của CT UBND xã Yên Nhân	2.247	2.200	2.200	2.020	180	180
	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y	UBND xã	Y tế	Cải tạo nhà công vụ, nhà	2023	2024	159/QĐ-UBND	1.099	1.100	1.100	990	110	110

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	tế xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Yên Nhân		khoa sản			ngày 13/10/2023 của chủ tịch UBND xã Yên Nhân						
3	Xã Tân Thành								3.300	3.060	240	240	
	Nhà văn hóa thôn Thành Đon, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân	UBND xã Tân Thành	Văn hóa	Diện tích xây dựng là 211.7m ²	2023	2024	262/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Tân Thành	1.699	1.650	1.650	1.530	120	120
	Nhà văn hóa thôn Thành Nàng, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân	UBND xã Tân Thành	Văn hóa	Diện tích xây dựng là 211.7m ²	2023	2024	270/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 Chủ tịch UBND xã Tân Thành	1.699	1.650	1.650	1.530	120	120
4	Xã Xuân Lộc								3.300	3.060	240	240	
	Xây dựng Trạm Y tế xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân	UBND xã Xuân Lộc	Y tế	Diện tích xây dựng là 211.7m ²	2023	2024	139/QĐ-UBND ngày 29/09/2023 của Chủ tịch UBND xã Xuân Lộc	3.399	3.300	3.300	3.060	240	240
VI	HUYỆN QUAN HÓA								9.600	9.180	420	420	
1	Xã Phú Lệ								3.300	3.150	150	150	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông bản Đuôm và bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa	UBND xã Phú Lệ	Giao thông	Đường giao thông nông thôn loại B, miền núi; tổng chiều dài tuyến L = 506,59m	2023	2024	121/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của CT UBND xã Phú Lệ	3.500	3.300	3.300	3.150	150	150
2	Xã Phú Thanh								3.300	3.150	150	150	
	Nâng cấp đường giao thông bản Trung Tân, xã Phú Thanh, huyện Quan	UBND xã Phú Thanh	Giao thông	Đường giao thông cấp C; tổng chiều dài tuyến L = 925,4m	2023	2024	120/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của CT UBND xã	3.500	3.300	3.300	3.150	150	150

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Hóa						Phú Thanh						
3	Xã Thiên Phú								3.000	2.880	120	120	
	Xây mới nhà văn hóa bản Sài, xã Thiên Phú, huyện Quan Hoá	UBND xã Thiên Phú	Văn hóa	Công trình nhà sàn; diện tích xây dựng: 367,08m ²	2023	2024	142a/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Thiên Phú	3.200	3.000	3.000	2.880	120	120
VII	HUYỆN QUAN SƠN								15.650	14.410	1.240	1.240	
1	Xã Trung Xuân								3.300	3.020	280	280	
	Đập mương Đum, bản Phú Nam, xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Xuân	Thủy lợi	Tràn BTCT chiều rộng B = 10m; kênh Tổng chiều dài L = 729,41m	2023	2024	1972/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 203/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	3.350	3300	3.300	3.020	280	280
2	Xã Trung Tiến								3.300	3.060	240	240	
	Nhà văn hoá bản Đe, xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Tiến	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sân: 186,5m ² ;	2023	2024	2096/QĐ-UBND ngày 20/12/2023; 199/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1650	1.650	1.530	120	120
	Nhà căn hoá bản Tong, xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Tiến	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sân: 186,5m ² ;	2023	2024	1783/QĐ-UBND ngày 08/11/2023; 204/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1650	1.650	1.530	120	120
3	Xã Trung Thượng								2.450	2.250	200	200	
	Nhà văn hoá bản Máy, xã Trung Thượng, huyện	UBND xã Trung	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sân:	2023	2024	1741/QĐ-UBND ngày 01/11/2023;	2.500	2450	2.450	2.250	200	200

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Quan Sơn	Thượng		186.5m2;			197/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn						
4	Xã Tam Thanh								3.300	3.020	280	280	
	Đập mương bán Pa, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn	UBND xã Tam Thanh	Thủy lợi	Trần BTCT thiết kế: Bt = 26m; Kênh dài L = 645,39m	2023	2024	2085/QĐ-UBND ngày 19/12/2023; 198/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	3.350	3300	3.300	3.020	280	280
5	Xã Mường Mìn								3.300	3.060	240	240	
	Nhà văn hoá bản Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn	UBND xã Mường Mìn	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235.7m2; diện tích sàn: 186.5m2;	2023	2025	1719/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 195/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1650	1.650	1.530	120	120
	Nhà văn hóa bản Bón, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn	UBND xã Mường Mìn	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235.7m2; diện tích sàn: 186.5m2;	2023	2025	1718/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 196/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1650	1.650	1.530	120	120
VIII	HUYỆN NHƯ XUÂN								9.900	9.360	540	540	
1	Xã Bình Lương								3.300	3.150	150	150	
	Đường Giao thông làng Gió đi Làng Sao (Đoạn từ nhà ông Trương Văn Huệ (Làng Gió) đến nhà ông	UBND xã Bình Lương	Giao thông	Bê tông xi măng tuyến chính, chiều dài L = 1.600m	2023	2024	2316/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2717/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	3.500	3.300	3.300	3.150	150	150

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Lê Khắc Tăng (Làng Sao), xã Bình Lương						của CT UBND huyện Như Xuân						
2	Xã Thượng Ninh								3.300	3.150	150	150	
	Sân thể thao xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân	UBND xã Thượng Ninh	Văn hóa	Sân nền công trường rào, đường vào sân thể thao dài 250m	2023	2024	2317/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2716/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	3.500	3.300	3.300	3.150	150	150
3	Xã Xuân Hòa								3.300	3.060	240	240	
	Nâng cấp mở rộng đường giao thông khu trung tâm đoạn tại thôn Nghiu xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân	UBND xã Xuân Hòa	Giao thông	Bê tông nhựa và rãnh thoát nước chiều dài 600m	2023	2024	2318/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2899/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	3.400	3.300	3.300	3.060	240	240
IX	HUYỆN LANG CHÁNH								6.600	5.960	640	640	
1	Xã Lâm Phú								3.300	2.980	320	320	
	Đường giao thông nông thôn bản Nà Đang, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	UBND xã Lâm Phú	Giao thông	Tổng chiều dài L = 545,31m	2024	2024	141/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của CT UBND xã Lâm Phú	3.306	3.300	3.300	2.980	320	320
2	Xã Đồng Lương								3.300	2.980	320	320	
	Hội trường trung tâm Văn hóa thể thao xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh	UBND xã Đồng Lương	Văn hoá	154 chỗ ngồi	2024	2024	150/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của CT UBND xã Đồng Lương	3.317	3.300	3.300	2.980	320	320
X	HUYỆN BÁ THƯỚC								23.100	21.250	1.850	1.850	
1	Xã Ban Công								3.300	2.990	310	310	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Trường tiểu học xã Ban Công (điểm trường khu Cà), huyện Bá Thước	UBND xã Ban Công	Giáo dục	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; DTXD 397,2 m ²	2023	2025	282/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Ban Công	3.326	3.300	3.300	2.990	310	310
2	Xã Ái Thượng									3.300	3.060	240	240
	Nhà lớp học và bộ môn trường tiểu học xã Ái Thượng, huyện Bá Thước	UBND xã Ái Thượng	Giáo dục	Nhà 2 tầng, 4 phòng, DTXD 317,34m ²	2023	2025	234/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của CT UBND xã Ái Thượng	3.403	3.300	3.300	3.060	240	240
3	Xã Lương Trung									3.300	2.990	310	310
	Nhà lớp học Trường trung học cơ sở xã Lương Trung, huyện Bá Thước	UBND xã Lương Trung	Giáo dục	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; DTXD 397,2 m ²	2023	2025	182/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Lương Trung	3.322	3.300	3.300	2.990	310	310
4	Xã Kỳ Tân									3.300	3.020	280	280
	Mương Co Sa, thôn Pặt, xã Kỳ Tân, huyện Bá Thước	UBND xã Kỳ Tân	Thủy lợi	Gồm 3 tuyến kênh, tổng chiều dài L=1.526,7m	2023	2025	98/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Kỳ Tân	3.351	3.300	3.300	3.020	280	280
5	Xã Lương Ngoại									3.300	3.020	280	280
	Sân vận động xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	UBND xã Lương Ngoại	Văn hóa	S = 10.584 m ²	2023	2025	166/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Lương Ngoại	3.358	3.300	3.300	3.020	280	280
6	Xã Điền Quang									3.300	3.070	230	230
	Đường giao thông thôn Khò đi thôn Mít, xã Điền	UBND xã Điền	Giao thông	L= 1.776,46 m	2023	2025	212/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	3.413	3.300	3.300	3.070	230	230

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Quang, huyện Bá Thước	Quang					của Chủ tịch UBND xã Điền Quang						
7	Xã Thiết Ống								3.300	3.100	200	200	
	Sân vận động xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	S = 9.130 m ²	2023	2025	183/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Chủ tịch UBND xã Thiết Ống	3.439	3.300	3.300	3.100	200	200
XI	HUYỆN MƯỜNG LÁT								23.900	22.070	1.830	1.830	
1	Xã Mường Lý								2.500	2.270	230	230	
	Xây dựng nhà Văn hóa bản Sài Khao, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Lý	Văn hóa	San nền; xây dựng nhà 80 chỗ có diện tích xây dựng 154,35m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	333/QĐ-UBND ngày 16/12/2023; 40/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Lý	2.520	2500	2.500	2.270	230	230
2	Xã Pù Nhi								1.300	1.190	110	110	
	Nâng cấp, cải tạo đập, kênh mương Pù Quán, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát	UBND xã Pù Nhi	Thủy lợi	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh dài L = 1.300m, nạo vét khơi thông dòng chảy, thay mới tuyến ống dẫn nước	2023	2024	254/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 68/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Pù Nhi	1.319	1.300	1.300	1.190	110	110
3	Xã Quang Chiêu								4.500	4.080	420	420	
	Xây dựng nhà văn hóa bản Sáng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát	UBND xã Quang Chiêu	Văn hóa	Xây dựng nhà văn hoá 120 chỗ ngồi, diện tích 176,30m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	175/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 46/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã	1.515	1500	1.500	1.360	140	140

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
							Quang Chiểu						
	Xây dựng nhà văn hóa bản Xim, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát	UBND xã Quang Chiểu	Văn hóa	Xây dựng nhà văn hoá 250 chỗ ngồi; diện tích 245,43m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	207/QĐ-UBND ngày 25/12/2023; 47/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Quang Chiểu	3.020	3000	3.000	2.720	280	280
4	Xã Mường Chanh									15.600	14.530	1.070	1.070
	Đường giao thông bản Na Hào, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Chanh	Giao thông	Công trình cấp IV; đường giao thông nông thôn loại B; chiều dài L = 374,23m	2023	2024	179/QĐ-UBND ngày 06/12/2023; 54/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	1.018	1.000	1.000	920	80	80
	Xây dựng chợ xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Chanh	Cơ sở hạ tầng thương mại	San nền; xây dựng khu bán hàng tiêu dùng và bán hàng tươi ng 1 tầng diện tích 282,84m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	185/QĐ-UBND ngày 13/12/2023; 57/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã	5.255	5.000	5.000	4.730	270	270
	Xây dựng sân vận động xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Chanh	Văn hóa	San lấp mặt bằng, sân diện tích 481,1m ² ; đường nội bộ, khán đài; tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	2023	2024	186/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; 58/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	7.250	7.000	7.000	6.520	480	480
	Đầu tư xây dựng khuôn viên và hoàn thiện các hạng mục khác của Trung tâm văn hóa thể thao xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Chanh	Văn hóa	Xây dựng nhà trực, sân, đường nội bộ, cổng, tường rào, nhà để xe, tường chắn, rãnh thoát nước	2024	2024	31/QĐ-UBND ngày 05/02/2024; 55/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	2.625	2.600	2.600	2.360	240	240

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NĂM 2024)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMBT		Tổng cộng			Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
Tổng cộng	Trong đó NSTW												
	TỔNG CỘNG								161.803	150.516	11.287	11.287	
I	HUYỆN NÔNG CỐNG								2.500	2.390	110	110	
1	Xã Trung Thành								2.500	2.390	110	110	
	Xây dựng kênh tưới, tiêu trực 32, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 416,96m	2024	2025	09/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của CT UBND xã Trung Thành	2.653	2.500	2500	2.390	110	110
II	HUYỆN TRIỆU SƠN								2.518	2.380	138	138	
1	Xã Bình Sơn								2.518	2.380	138	138	
	Đường giao thông từ thôn Cây xe đi xã Cán Khê	UBND xã Bình Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.219,24m	2024	2024	180/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của CT UBND xã Bình Sơn	2.640	2.518	2.518	2.380	138	138
III	HUYỆN THẠCH THÀNH								5.036	4.920	116	116	
1	Xã Thạch Bình								2.518	2.440	78	78	
	Xây dựng nhà bếp ăn và khuôn viên trường Mầm non xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Giáo dục	Nhà bếp ăn có diện tích xây dựng khoảng 200m ²	2024	2025	396/QĐ-UBND ngày 31/1/2024 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.708	2.518	2.518	2.440	78	78
2	Xã Thành An								2.518	2.480	38	38	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Kênh mương nội đồng thôn Dỹ Thắng, xã Thành An	UBND xã Thành An	Thủy lợi	Tổng chiều dài khoảng L = 2.120m	2024	2025	395/QĐ-UBND ngày 31/1/2024 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.755	2.518	2.518	2.480	38	38
IV	HUYỆN QUAN HÓA									8.111	7.590	521	521
1	Xã Nam Tiến									3.900	3.690	210	210
	Nhà văn hóa bản Ken, xã Nam Tiến	UBND xã Nam Tiến	Văn hóa	Nhà 1 tầng	2024	2024	125a/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	1.578	1.500	1.500	1.420	80	80
	Nhà văn hóa bản Cùm, xã Nam Tiến	UBND xã Nam Tiến	Văn hóa	Nhà 1 tầng	2024	2024	124a/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	2.525	2.400	2.400	2.270	130	130
2	Xã Phú Lệ									2.387	2.180	207	207
	Nâng cấp mương Nà Ma, bản Sại, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Thủy lợi	Cấp IV, chiều dài 435,54m	2024	2024	20//QĐ-UBND ngày 16/01 của CT UBND xã Phú Lệ	1.504	1.487	1.487	1.350	137	137
	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa bản Tân Phúc, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Văn hóa	Cấp IV	2024	2024	21/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của CT UBND xã Phú Lệ	918	900	900	830	70	70
3	Xã Phú Xuân									286	270	16	16
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn bản Éo, xã Phú Xuân,	UBND xã Phú Xuân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 114,93m	2024	2024	184/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Nam Xuân	300	286	286	270	16	16
4	Xã Nam Xuân									466	440	26	26
	Nâng cấp mặt đường giao thông bản Nam Tân	UBND xã Nam Xuân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 286,65m	2024	2024	166/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Nam Xuân	489	466	466	440	26	26
5	Xã Phú Sơn									286	270	16	16
	Sửa chữa nhà Văn hóa Bản Chiềng, xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	Văn hóa	Diện tích 205,30m2	2024	2024	90/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT	300	286	286	270	16	16

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
		Son					UBND xã Phú Sơn						
6	Xã Hiền Chung									786	740	46	46
	Nâng cấp đường giao thông bản Yên, xã Hiền Chung	UBND xã Hiền Chung	Giao thông	Tổng chiều dài L = 293,91	2024	2024	228/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Hiền Chung	826	786	786	740	46	46
V	HUYỆN BÁ THƯỚC									60.322	56.010	4.312	4.312
1	Xã Kỳ Tân									6.787	6.260	527	527
	Nhà văn hóa thôn Bo Hạ	UBND xã Kỳ Tân	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 213m ²	2024	2025	165/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	1.421	1.400	1.400	1.280	120	120
	Trần giao thông qua suối thôn Bo Thượng	UBND xã Kỳ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 251,53m	2024	2025	162/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	2.477	2.387	2.387	2.230	157	157
	Đường giao thông thôn Buốc	UBND xã Kỳ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 500m	2024	2025	168/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	818	800	800	740	60	60
	Đường giao thông khu dân cư Na Bó thôn Hiêng	UBND xã Kỳ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 415,7m	2024	2025	166/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	813	800	800	730	70	70
	Nhà văn hóa thôn Khả	UBND xã Kỳ Tân	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 213m ²	2024	2025	163/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	1.421	1.400	1.400	1.280	120	120
2	Xã Điền Quang									2.000	1.880	120	120
	Nhà văn hóa thôn Xê	UBND xã Điền Quang	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 150m ²	2024	2025	284/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND xã Điền Quang	1.049	1.000	1.000	940	60	60
	Nhà văn hóa thôn Mít	UBND xã Điền Quang	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	285/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND xã Điền Quang	1.050	1.000	1.000	940	60	60
3	Xã Thiết Ống									3.187	2.910	277	277

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Nhà văn hóa thôn Chun	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	252/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	805	800	800	720	80	80
	Nhà văn hóa thôn Nán	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; DTXD 151,2m ²	2024	2025	251/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	806	800	800	730	70	70
	Nhà văn hóa thôn Trếch	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	250/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	823	800	800	740	60	60
	Nhà văn hóa thôn Liên Thành	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	249/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	805	787	787	720	67	67
4	Xã Lương Nội									1.100	1.040	60	60
	Nhà văn hóa thôn Ấm	UBND xã Lương Nội	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	233/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của CT UBND xã Lương Nội	1.154	1.100	1.100	1.040	60	60
5	Xã Cổ Lũng									5.800	5.340	460	460
	Đường lên thác Hiêu + Kè suối Hiêu	UBND xã Cổ Lũng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.273,57m	2024	2025	176/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	3.673	3.600	3.600	3.310	290	290
	Nhà văn hóa thôn Tền Mới	UBND xã Cổ Lũng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	177/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	1.121	1.100	1.100	1.010	90	90
	Nhà văn hóa thôn Lác	UBND xã Cổ Lũng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 153,1m ²	2024	2025	178/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	1.130	1.100	1.100	1.020	80	80
6	Xã Điền Hạ									8.687	7.980	707	707

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Nhà lớp học Trường Trung học cơ sở	UBND xã Điện Hạ	Giáo dục	Nhà 02 tầng 04 phòng; diện tích xây dựng 317,34m ²	2024	2025	216/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điện Hạ	3.627	3.500	3.500	3.260	240	240
	Nhà văn hóa thôn Xăm	UBND xã Điện Hạ	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 146,01m ²	2024	2025	217/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điện Hạ	1.130	1.100	1.100	1.020	80	80
	Đường giao thông thôn Đền	UBND xã Điện Hạ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.593m	2024	2025	215/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điện Hạ	4.111	4.087	4.087	3.700	387	387
7	Xã Điện Thượng									8.687	8.150	537	537
	Sân vận động xã	UBND xã Điện Thượng	Văn hóa	Diện tích: 8.310m ² (Nhà vệ sinh, sân khấu, khán đài, tường rào, cải tạo nền sân vận động, cống rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng...)	2024	2025	480/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điện Thượng	4.144	3.987	3.987	3.730	257	257
	Nhà chức năng trường THCS Điện Thượng	UBND xã Điện Thượng	Giáo dục	Nhà lớp học chức năng 02 tầng 04 phòng; diện tích xây dựng 170m ²	2024	2025	482/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điện Thượng	2.098	2.000	2.000	1.890	110	110
	Nhà văn hóa thôn Thượng Sơn	UBND xã Điện Thượng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 200m ²	2024	2025	479/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điện Thượng	1.160	1.100	1.100	1.040	60	60
	Đường giao thông thôn Lau	UBND xã Điện Thượng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 821,12m	2024	2025	481/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điện Thượng	1.660	1.600	1.600	1.490	110	110
8	Xã Lũng Cao									4.500	4.220	280	280
	Cầu thôn Hìn	UBND	Giao thông	Bề rộng cầu B = 6,5m;	2024	2025	153/QĐ-UBND ngày	4.694	4.500	4.500	4.220	280	280

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
		xã Lũng Cao		chiều dài cầu L = 21,7m			05/12/2023 của CT UBND xã Lũng Cao						
9	Xã Thiết Kế								9.787	9.020	767	767	
	Xây mới phòng học và các phòng chức năng trường trung học cơ sở	UBND xã Thiết Kế	Giáo dục	2 tầng; 8 phòng diện tích xây dựng 351,55m ²	2024	2025	222/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	4.948	4.787	4.787	4.450	337	337
	Xây mới các hạng mục phụ trợ trạm y tế	UBND xã Thiết Kế	Y tế	Công, tường rào, khuôn viên, nền sân, đường, lối vào	2024	2025	223/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	1.201	1.200	1.200	1.080	120	120
	Sân vận động xã	UBND xã Thiết Kế	Văn hóa	Nhà vệ sinh, sân khấu, khán đài, tường rào, sân vận động, công rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng...	2024	2025	224/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	3.877	3.800	3.800	3.490	310	310
10	Xã Văn Nho								9.787	9.210	577	577	
	Đường giao thông liên thôn	UBND xã Văn Nho	Giao thông	Tổng chiều dài L= 1.708,98m	2024	2025	142/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND xã Văn Nho	5.024	4.800	4.800	4.520	280	280
	Xây mới 8 phòng học trường tiểu học và các công trình phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Giáo dục	02 tầng 8 phòng; diện tích xây dựng 472.2m ²	2024	2025	141/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND xã Văn Nho	5.212	4.987	4.987	4.690	297	297
VI	HUYỆN NGỌC LẠC								3.150	2.880	270	270	
1	Xã Cao Ngọc								1.050	960	90	90	
	Đường giao thông thôn Chò Tráng, xã Cao Ngọc - đi xã Văn Am, huyện Ngọc Lạc.	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 296,28m	2024	2024	18/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của CT UBND xã Cao Ngọc	1.069	1.050	1.050	960	90	90
2	Xã Minh Tiến								1.050	960	90	90	
	Đường giao thông thôn	UBND	Giao thông	Tổng chiều dài L =	2024	2024	40/QĐ-UBND ngày	1.069	1.050	1.050	960	90	90

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Thanh Sơn, xã Minh Tiến	xã		526,69m			29/01/2024 của CT UBND xã Minh Tiến						
3	Xã Nguyệt Ấn								1.050	960	90	90	
	Đường giao thông thôn Nguyệt Thành, xã Nguyệt Ấn, Ngọc Lặc	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 500m	2024	2024	48/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của CT UBND xã Nguyệt Ấn	1.069	1.050	1.050	960	90	90
VII	HUYỆN THUỜNG XUÂN								40.666	37.460	3.206	3.206	
1	Xã Bát Mọt								4.000	3.670	330	330	
	Đường giao thông từ thôn Cạn đi thôn Ruộng xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 2.000m	2024	2025	21/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND xã Bát Mọt	4.076	4.000	4.000	3.670	330	330
2	Xã Xuân Thắng								5.286	4.810	476	476	
	Tuyến đường giao thông nội thôn Tú xã Xuân Thắng (từ nhà ông Ngân Văn Phiên (Km49+200 đường 519B) đến nhà ông Ngân Văn Tuấn).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m và đường 02 đầu tràn với chiều dài khoảng L = 400m	2024	2025	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	2.238	2.226	2.226	2.010	216	216
	Tuyến đường giao thông nội thôn Xương xã Xuân Thắng (từ nhà ông Vi Hoài Bảo đến nhà ông Lương Văn Tuấn).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 600m	2024	2024	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	1.034	1.020	1.020	930	90	90
	Tuyến đường giao thông nội thôn Xem Đốt xã Xuân Thắng (từ nhà ông Lục Đình Hắng đến nhà ông Lò Quang Quý).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.200m	2024	2024	24/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	2.076	2.040	2.040	1.870	170	170
3	Xã Yên Nhân								3.236	3.000	236	236	
	Đường giao thông từ	UBND	Giao thông	Đường GTNT với chiều	2024	2025	23/QĐ-UBND ngày	3.331	3.236	3.236	3.000	236	236

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	thôn Lừa đi thôn Khong, xã Yên Nhân	xã Yên Nhân		dài khoảng L = 1.800m			30/01/2024 của CT UBND xã Yên Nhân						
4	Xã Xuân Dương								2.000	1.850	150	150	
	Đường nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân	UBND xã Xuân Dương	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.400m	2024	2024	35/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Dương	2.059	2.000	2.000	1.850	150	150
5	Xã Xuân Lộc								6.036	5.510	526	526	
	Đường vào làng Ná Khố thôn Chiềng, xã Xuân Lộc	UBND xã Xuân Lộc	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.000m	2024	2024	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	1.530	1.518	1.518	1.380	138	138
	Đường giao thông thôn Cộc, xã Xuân Lộc (đoạn từ nhà ông Lục Đăng Thịnh đến nhà bà Phùng Thị Loan)	UBND xã Xuân Lộc	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.400m; xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m	2024	2025	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	3.580	3.518	3.518	3.220	298	298
	Mương Hón Lạn thôn Cộc, xã Xuân Lộc	UBND xã Xuân Lộc	Thuỷ lợi	Xây dựng mương thủy lợi với chiều dài khoảng 800m, mương xây 40x40cm.	2024	2024	24/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	1.009	1.000	1.000	910	90	90
6	Xã Xuân Chinh								5.286	4.890	396	396	
	Trạm Y tế xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Dân dụng	Xây dựng khu nhà 02 tầng, 06 phòng với tổng diện tích sàn khoảng 240m ² và cải tạo, sửa chữa 02 dãy nhà cấp 4	2024	2025	16/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Chinh	4.404	4.286	4.286	3.960	326	326
	Mương thủy lợi từ thôn Tú Ấc đến thôn Chinh, xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Thuỷ lợi	Xây dựng mương thủy lợi với chiều dài khoảng 800m, mương xây 40x40cm	2024	2024	15/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Chinh	1.029	1.000	1.000	930	70	70
7	Xã Xuân Lệ								9.786	9.060	726	726	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Tuyến đường Thanh Niên thôn Xuân Ngù, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài tuyến khoảng L = 800m	2024	2024	39/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	1.647	1.600	1.600	1.480	120	120
	Nhà văn hoá thôn Xuân Sơn, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Dân dụng	Xây dựng nhà văn hóa với diện tích xây dựng khoảng 200m ² , sức chứa trên 100 chỗ ngồi	2024	2025	41/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	1.844	1.794	1.794	1.660	134	134
	Đường giao thông thôn Bọng Nàng, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài tuyến khoảng 1.200m; xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m	2024	2025	40/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	4.246	4.125	4.125	3.820	305	305
	Đường giao thông từ nhà ông Toàn Tâm đến nhà ông Thắng Nguyệt, thôn Lệ Tà, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.000m	2024	2024	42/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	2.328	2.267	2.267	2.100	167	167
8	Xã Luận Thành									2.518	2.340	178	178
	Đường giao thông từ nhà ông Lê Văn Bản đến nhà bà Nguyễn Thị Xuân thôn Tiên Hưng 2, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài L = 600m	2024	2024	18/QĐ/UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Luận Thành	1.296	1.259	1.259	1.170	89	89
	Đường giao thông từ sau Trạm Y tế xã đến nhà ông Lang Nhất Nông, thôn Tiên Hưng 1, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài L = 600m	2024	2024	17/QĐ/UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Luận Thành	1.296	1.259	1.259	1.170	89	89
9	Xã Vạn Xuân									2.518	2.330	188	188
	Đường giao thông thôn Hang Cầu, xã Vạn Xuân (đoạn từ nhà ông Khang	UBND xã Vạn Xuân	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.200m	2024	2025	40/QĐ-UBND ngày 30/1/2024 của CT UBND xã Vạn Xuân	2.593	2.518	2.518	2.330	188	188

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	đến nhà ông Quyết và từ nhà ông Lý đến nhà ông Bản)												
VIII	HUYỆN MUỜNG LÁT								39.500	36.886	2.614	2.614	
1	Xã Mượ̀ng Chanh								24.400	22.620	1.780	1.780	
	Xây dựng trường Tiểu học xã Mượ̀ng Chanh	UBND xã Mượ̀ng Chanh	Giáo dục	Xây mới nhà 2 tầng, 8 phòng; diện tích đất 363,4m ²	2024	2024	60/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của CT UBND xã Mượ̀ng Chanh	7.031	6.700	6.700	6.330	370	370
	Xây dựng trường Mầm non xã Mượ̀ng Chanh	UBND xã Mượ̀ng Chanh	Giáo dục	Xây mới nhà hiệu bộ; nhà ăn; cải tạo nhà lớp học; diện tích đất 189,47m ²	2024	2024	59/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mượ̀ng Chanh	7.554	7.200	7.200	6.800	400	400
	Nâng cấp, sửa chữa, cứng hoá đường Giao thông từ bản Bọ́ng đi khu suối K-Long (hệ thống đường giao thông xã Mượ̀ng Chanh)	UBND xã Mượ̀ng Chanh	Giao thông	Cứng hoá chiều dài tuyến chính L = 4.411m	2024	2024	21/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; 56/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mượ̀ng Chanh	10.543	10.500	10.500	9.490	1.010	1.010
2	Xã Nhi Sơn								2.000	1.890	110	110	
	Nâng cấp chợ xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xây dựng 2 dãy nhà bán hàng, diện tích 354m ² , khu nhà vệ sinh, rãnh thoát nước	2024	2024	28/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND xã Nhi Sơn	2.100	2.000	2.000	1.890	110	110
3	Xã Quang Chiểu								7.200	6.800	400	400	
	Xây dựng chợ xã Quang Chiểu	UBND xã Quang Chiểu	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xây dựng mới 02 dãy nhà kiot bán hàng; khu chế biến gia cầm, thủy hải sản; khu bán hàng tự do ngoài trời và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	44/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của CT UBND xã Quang Chiểu	3.989	3.800	3.800	3.590	210	210

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng			Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Nâng cấp, mở rộng sân thể thao xã Quang Chiểu	UBND xã Quang Chiểu	Văn hoá	Sân đá bóng 80m ² ; sân bóng chuyền 162m ² ; đường vào sân; sân khấu, khán đài và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	45/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của CT UBND xã Quang Chiểu	3.569	3.400	3.400	3.210	190	190
4	Xã Tam Chung									3.400	3.210	190	190
	Xây dựng trường Tiểu học Tam Chung, Khu Ôn	UBND xã Tam Chung	Giáo dục	Xây mới 5 phòng học, 3 phòng nhà công vụ, 1 phòng bếp và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	53/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của CT UBND xã Tam Chung	3.569	3.400	3.400	3.210	190	190
5	Xã Mường Lý									2.500	2.366	134	134
	Xây dựng nhà văn hoá bản Muồng 2, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Văn hoá	Xây dựng nhà văn hoá 80 chỗ ngồi, diện tích 221.5m ² và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	41/QĐ-UBND ngày 02/03/2024 của CT UBND xã Mường Lý	2.625	2.500	2.500	2.366	134	134

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025 - ĐỢT 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	TỔNG CỘNG	12							18.412	16.990	1.422	1.422	
I	HUYỆN NHƯ THANH								5.036	4.640	396	396	
1	Xã Mậu Lâm								2.518	2.320	198	198	
	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Tâm Tiến, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh	UBND xã Mậu Lâm	Văn hóa	Xây mới tường rào, sân; cải tạo lại nhà văn hóa	2025	2025	726/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của CT UBND huyện	908	900	900	820	80	80
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Hợp Tiến xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh	UBND xã Mậu Lâm	Văn hóa	Xây mới tường rào, cổng, sân, nhà vệ sinh; cải tạo lại nhà văn hóa	2025	2025	723/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của CT UBND huyện	838	800	800	750	50	50
	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trường Mầm non Khu chính xã Mậu Lâm	UBND xã Mậu Lâm	Giáo dục	Xây dựng sân khấu; cải tạo nhà thư viện; cải tạo nhà lớp học 02 tầng; sửa chữa một số hạng mục khác	2025	2025	1157/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của CT UBND huyện	828	818	818	750	68	68
2	Xã Cán Khê								2.518	2.320	198	198	
	Nối tiếp đường giao thông thôn Chanh đi Lá Nán, xã Cán Khê, huyện Như	UBND xã Cán Khê	Giao thông	Đầu tư xây dựng tuyến đường dài khoảng L= 812,74m	2025	2025	695/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của CT UBND huyện	2.158	2.100	2.100	1.940	160	160

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	Thanh												
	Xây mới tường rào, mở rộng khuôn viên trường mầm non khu A xã Cán Khê, huyện Như Thanh	UBND xã Cán Khê	Giáo dục	Xây dựng mới tường rào, sân bê tông, rãnh thoát nước; sơn lại công, tường rào phía trước	2025	2025	1854/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của CT UBND huyện	421	418	418	380	38	38
II	HUYỆN BÁ THƯỚC									3.500	2.940	560	560
1	Xã Hạ Trung									3.500	2.940	560	560
	Nhà văn hóa thôn Man Môn	UBND xã Hạ Trung	Văn hóa	1 tầng; 150 chỗ ngồi	2025	2025	107/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của CT UBND xã Hạ Trung	1.226	1.200	1.200	1.100	100	100
	Nhà văn hóa thôn Tré	UBND xã Hạ Trung	Văn hóa	1 tầng; 100 chỗ ngồi	2025	2025	108/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của CT UBND xã Hạ Trung	1.019	1.000	1.000	920	80	80
	Nhà văn hóa thôn Khiêng	UBND xã Hạ Trung	Văn hóa	1 tầng; 160 chỗ ngồi	2025	2025	106/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của CT UBND xã Hạ Trung	1.019	1.300	1.300	920	380	380
III	HUYỆN NGA SƠN									2.518	2.490	28	28
1	Xã Nga Thủy									2.518	2.490	28	28
	Công trình đường GTNT	UBND xã Nga Thủy	Giao thông	0,858 km	2025	2025	Số 77/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Nga Thủy	2.770	2.518	2.518	2.490	28	28
IV	THỊ XÃ NGHI SƠN									2.500	2.260	240	240
1	Xã Ngọc Lĩnh									2.500	2.260	240	240
	Đường giao thông liên thôn xã Ngọc Lĩnh, thị	UBND xã Ngọc	Giao thông	Tổng chiều dài L = 690,95 m	2025	2025	Số 1515/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của	2.510	2.500	2.500	2.260	240	240

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Vốn còn lại chưa cấp	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng			Lũy kế vốn đã bố trí đến 20/02/2025
								Tổng cộng	Trong đó NSTW				
	xã Nghi Sơn	Lĩnh					CT UBND thị xã						
V	HUYỆN THỌ XUÂN								2.518	2.420	98	98	
1	Xã Thọ Diên								2.518	2.420	98	98	
	Nâng cấp, cải tạo chính trang tuyến đường xóm Công đi chùa Ngọc Linh, xã Thọ Diên	UBND xã Thọ Diên	Giao thông	Tổng chiều dài L = 933,14 m	2025	2025	Số 24/QĐ- UBND ngày 03/5/2024 của UBND xã Thọ Diên	2.692	2.518	2.518	2.420	98	98
VI	HUYỆN NÔNG CÔNG								2.340	2.240	100	100	
1	Xã Tân Khang								2.340	2.240	100	100	
	Kênh mương tưới tiêu nội đồng thôn Lai Thịnh	UBND xã Tân Khang	Thủy lợi	Xây dựng tuyến kênh với chiều dài 779,2m	2024	2025	11/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch UBND xã Tân Khang	2.491	2.340	2.340	2.240	100	100

Phụ lục V
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2025 - ĐỢT 2)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 2)
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT			
								Tổng cộng	Trong đó NSTW		
	TỔNG CỘNG	2								6.835	6.835
I	THỊ XÃ NGHI SƠN									2.518	2.518
1	Xã Định Hải									2.518	2.518
	Tuyến kênh tưới tiêu xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn.	UBND xã Định Hải	Thủy lợi	Xây dựng 02 tuyến kênh với tổng chiều dài L = 1,197,4 m	2024	2025	1277/QĐ-UBND ngày 15/02/2024; 9462/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	2.739	2.518	2.518	2.518
II	HUYỆN NHƯ XUÂN									4.317	4.317
1	Xã Tân Bình									4.317	4.317
	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và các hạng mục phụ trợ.	UBND xã Tân Bình	Y tế	Xây dựng nhà 01 tầng, lò đốt rác, công tường rào	2025	2025	249/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của CT UBND huyện Như Xuân	4.417	4.317	4.317	4.317